

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 004 - Thành Thái

Học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4

Lớp HP: GE101DV01

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 16h00

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22105966	Lê Hà Huy	TT21111				Hoãn thi 1524/QĐ-BGH, ký 15/07/2022	2950/2133
2	22112741	Văn Phú Minh	TT21111				Hoãn thi 2325/QĐ-ĐHHS, ký 26/09/2022	1171/2134

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 217 - Quang Trung

Học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5

Lớp HP: GE102DV01

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 07h30

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	2196991	Trần Thị Xuân Mai	QL19111				Hoãn thi 413/QĐ-BGH, ký 05/03/2021	1139/2032
2	22013926	Trịnh Vũ Kiều Oanh	TV20111				Hoãn thi 2236/QĐ-BGH, ký 16/09/2022	1182/2133

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **GE102DV01 - Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5**

Phòng thi: Phòng 028 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29

Giờ thi: 10:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22140068	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang	3/11/2003	KS21111				1345 - 2434	2848

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Ân

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1519
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 028 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400428	TRẦN THUY	AN	11/09/04	TN24111			
2	22400539	VŨ NGUYỄN HƯNG	AN	03/10/02	DA24111			Cấm thi
3	22400431	NGUYỄN THẾ HOÀNG	ANH	22/06/06	LG24111			
4	22400895	VÕ HOÀNG QUỐC	BẢO	04/06/06	TK24111			
5	22400487	ĐẶNG VĂN CHÍ	CƯỜNG	14/06/06	TK24111			
6	22116183	LÊ QUỐC	DUY	21/05/03	QL21111			
7	22400769	VŨ THỊ THANH	ĐAN	12/10/06	DA24111			
8	22014438	NGUYỄN QUANG	ĐỊNH	02/04/02	NL20111			
9	22400517	NGUYỄN CAO QUANG	HUY	07/04/06	LG24111			
10	22400406	LÊ QUANG	KHÁNH	19/01/06	MK24111			
11	22400768	LÒ THUY BẢO	KHUYỀN	13/06/06	LG24111			
12	22400647	NGUYỄN NỮ AN	KHƯƠNG	02/03/06	DA24111			
13	22400523	NGUYỄN ANH	KIỆT	13/11/04	TK24111			
14	22400503	VÕ HUỲNH KHÚC	LAN	08/10/02	MK24111			
15	22400519	VŨ HOÀNG KHÁNH	NGÂN	28/11/06	LG24111			
16	22400848	NGUYỄN HUỲNH THÁI	NGỌC	27/11/06	LG24111			
17	22400616	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	07/10/03	LG24111			
18	22400904	PHAN ĐIỂM	NGỌC	07/07/06	MK24111			
19	22400526	TẶNG PHÚC	NGUYỄN	18/10/06	DA24111			
20	22400809	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/01/06	LG24111			
21	22400750	CHÂU THÀNH	PHÁT	18/10/06	DA24111			
22	22400494	ĐOÀN TRƯỜNG	PHÁT	17/08/02	LG24111			Cấm thi
23	22400754	HỒ TUẤN	PHƯƠNG	03/11/06	DA24111			
24	22400707	TRẦN TUỆ	SANG	06/12/05	TK24111			Cấm thi
25	22400608	TRƯƠNG TUYẾT	SƯƠNG	29/07/06	LG24111			
26	22400499	NGUYỄN TUẤN	THANH	28/10/06	LG24111			
27	22400498	VÕ TẤN	THÀNH	18/09/06	TN24111			
28	22400686	BÙI NGỌC QUỐC	THỊNH	14/03/06	TN24111			
29	22400724	NGUYỄN LÊ	THUẬN	06/03/06	LG24111			
30	22403108	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	15/07/06	LG24111			
31	22400833	TRẦN NGUYỄN TÚ	TRINH	21/09/06	LG24111			
32	22400604	NGUYỄN HỒ THANH	VÂN	20/08/06	DA24111			
33	22006572	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	VY	30/06/02	KS20111			
34	22400619	ĐẶNG TRẦN HẢI	YẾN	28/09/95	TK24111			
35	22400814	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	24/03/06	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1522
Giảng viên: Đinh Thị Hồng Ân
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401069	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	14/01/06	MK24111			
2	22400981	LÊ NGỌC	BÍCH	15/03/06	MK24111			
3	22401027	DƯƠNG NGỌC THÙY	DUNG	24/08/06	LG24111			
4	2191503	VŨ LÂM NGỌC	DUYÊN	01/07/01	TV19111			
5	22400963	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	27/11/04	TN24111			Cấm thi
6	22400937	LÊ THIÊN PHƯƠNG	GIANG	10/08/06	TK24111			
7	22400953	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	13/06/06	LG24111			
8	22401031	LƯU TUYẾT	HOA	15/05/06	TN24111			
9	22401047	NGUYỄN NHẬT	HUÂN	27/10/06	DA24111			
10	22401084	TRẦN ANH	KIỆT	07/10/06	LG24111			
11	22400933	VÕ VĂN	KIỆT	26/09/06	MK24111			
12	22401086	TRẦN LÊ TRÚC	LINH	07/05/06	MK24111			
13	22400985	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	27/04/06	MK24111			
14	22401094	TRƯƠNG THỊ THU	NGÂN	26/12/03	TK24111			
15	22401068	LƯƠNG QUÍ TRUNG	NGHĨA	17/10/06	LG24111			
16	22401089	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	04/08/06	LG24111			
17	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
18	22400949	VÕ NGUYỄN TUYẾT	NHI	05/12/06	TN24111			Cấm thi
19	22400982	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	24/11/06	MK24111			
20	22007338	NGUYỄN HƯNG QUỲNH	NHƯ	13/04/02	LG20111			
21	22400988	ĐOÀN CÔNG	QUÍ	27/03/06	TN24111			
22	22401097	LÊ NGUYỄN TRỌNG	QUÝ	05/02/06	DA24111			Cấm thi
23	22400918	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	14/12/05	MK24111			Cấm thi
24	22010007	HUỲNH THỊ ANH	THƯ	13/01/02	MC20111			
25	22401053	HOÀNG DUY	THỨC	08/08/06	MK24111			
26	22401026	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	25/05/05	TN24111			
27	22401025	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	27/11/06	MK24111			
28	22401007	NGUYỄN KIỀU	TRINH	03/01/06	LG24111			
29	22400943	NGUYỄN NGỌC TÚ	TRINH	14/12/05	LG24111			
30	22400983	HUỲNH ANH	TUẤN	15/10/06	LG24111			
31	22401029	NGÔ LÊ	VÂN	28/04/06	LG24111			
32	22400999	NGUYỄN PHÚ	VINH	11/11/06	TN24111			
33	22205153	NGUYỄN KHÁNH	VY	13/09/04	DM22111			
34	22400975	NGUYỄN THẢO KHÁNH	VY	12/02/03	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1523
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401175	TRẦN THỊ ANH	THƯ	06/01/06	MC24111			
2	22400762	LA NGUYỄN NHẬT	TIẾN	07/09/05	MC24111			
3	22401090	NGUYỄN GIA YẾN	TRANG	15/12/06	MC24111			
4	22400773	PHAN UYÊN	TRANG	04/02/06	MC24111			
5	22401028	NGUYỄN PHẠM MINH	TUẤN	30/07/06	MC24111			Cấm thi
6	22400864	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	23/10/06	MC24111			
7	22401005	HUỲNH THẢO MINH	VY	17/02/06	MC24111			
8	2195270	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	18/11/01	NH19111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1523
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 023 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400522	NGUYỄN KIM	ANH	23/02/06	MC24111			
2	22401015	PHẠM TUẤN	ANH	25/01/02	MC24111			
3	22400994	HỒNG NGỌC	BỘI	04/10/06	MC24111			
4	22400770	HỨA MỸ	CHÂU	01/06/06	MC24111			
5	22400477	NGUYỄN KHÁNH	DUY	18/01/04	MC24111			
6	22400825	TẶNG VĂN	ĐẶNG	14/01/06	MC24111			
7	22400962	LAI GIA	HÂN	04/10/06	MC24111			
8	22400728	LÊ PHẠM GIA	HÂN	31/08/06	MC24111			
9	22400876	CAO HOÀNG PHI	HÙNG	17/01/06	MC24111			
10	22400860	HUYỀN THANH	HƯƠNG	05/11/05	MC24111			
11	22401140	ĐẶNG BẢO	KHANG	26/03/06	MC24111			
12	22401129	VÕ BÁ	KHÔI	12/02/06	MC24111			
13	22401100	NGUYỄN NGỌC DUY	KIỆT	22/08/06	MC24111			
14	22400223	LÊ HẢI	KIM	16/01/03	MC24111			
15	22400320	LỖ HẠ	MY	26/03/06	MC24111			
16	22400920	TRẦN KIM	NGUYỄN	31/07/06	MC24111			
17	22401096	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06/12/06	MC24111			
18	2198768	LƯƠNG HOÀNG	PHONG	02/01/01	KS19111			
19	22401104	DƯƠNG HÀ	PHƯƠNG	29/06/06	MC24111			
20	22400628	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	11/02/06	MC24111			
21	22400739	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	15/10/05	MC24111			Cấm thi
22	22400501	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	22/05/06	MC24111			
23	22400553	LÊ PHÚC	THÀNH	04/12/06	MC24111			
24	22401000	LÊ THANH	THẢO	08/12/06	MC24111			
25	22402844	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	08/05/05	MC24111			
26	22400515	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	15/12/06	MC24111			
27	22401310	VĂN THỊ NGỌC	THỊNH	08/01/06	MC24111			
28	22401057	LƯU KIM	THÚY	01/09/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1527
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401022	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	15/09/06	LG24111			
2	22401120	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	26/10/06	LG24111			
3	22401606	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	ANH	27/01/06	LG24111			
4	22401320	PHÙNG THỊ LAN	ANH	08/06/06	MK24111			
5	22401321	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/02/06	TN24111			
6	22401127	TRẦN ĐÌNH TÂM	ĐAN	16/01/06	MC24111			
7	22401806	PHÙNG LÂM	HÂN	10/01/06	MK24111			
8	22401532	PHẠM MINH	HIỀN	07/01/05	DA24111			
9	22401833	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/04/06	LG24111			
10	22401108	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	21/12/04	MK24111			Cấm thi
11	22401749	VŨ HOÀNG ANH	KHOA	09/01/06	MK24111			
12	22401281	DƯƠNG KHÁNH	LINH	01/01/06	DM24111			
13	22401338	TRẦN VŨ HOÀNG	LUÂN	07/03/06	LG24111			
14	22401692	PHAN VŨ HÀ	MY	15/04/06	MK24111			
15	22401307	LƯU GIA	MỸ	20/12/06	MK24111			
16	22401653	PHẠM TĂNG THANH	NGÂN	19/12/06	MK24111			Cấm thi
17	22401158	NGUYỄN DƯƠNG TRỌNG	NHÂN	02/01/06	DA24111			
18	22401537	NGUYỄN PHAN QUỲNH	NHƯ	25/01/06	LG24111			
19	22401770	HỒ NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/05/06	TN24111			
20	22401377	LÊ ANH	PHƯƠNG	07/12/05	DA24111			Cấm thi
21	22401295	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	16/12/06	MK24111			
22	22401726	PHẠM HOÀNG MINH	PHƯƠNG	16/08/06	TN24111			
23	22401073	TRANG THANH	QUANG	10/06/06	LG24111			
24	22401768	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	05/01/05	MK24111			
25	22401645	TRẦN HỮU	SANG	05/07/06	LG24111			
26	22401525	PHẠM ANH	TÀI	23/04/06	LG24111			
27	22401574	NGUYỄN THU THANH	THẢO	14/12/06	TN24111			
28	22400668	TRẦN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/04/06	PR24111			
29	22401680	ĐÌNH QUỐC	THẮNG	18/09/06	TN24111			Cấm thi
30	22401845	PHẠM NGUYỄN MINH	TIẾN	16/11/06	LG24111			
31	22401662	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	12/12/06	DA24111			
32	22401746	NGUYỄN TRỌNG	TRƯỜNG	26/05/06	LG24111			
33	22401571	HUYỀN THÁI	TUẤN	06/10/06	DA24111			
34	22401328	NGUYỄN HOÀNG TÚ	UYÊN	09/09/06	TK24111			
35	22401168	TRƯƠNG HẢI	YẾN	09/02/06	TK24111			
36	22401413	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	27/05/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 1530
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400050	TRẦN BÌNH	THÀNH	16/01/05	LG24111			
2	22400085	NGUYỄN MINH	THĂNG	15/01/05	MK24111			Cấm thi
3	22401372	BÙI THỊ THANH	THÚY	16/02/06	MC24111			
4	22401511	LƯU NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	10/05/06	MC24111			
5	22400216	NGUYỄN LÝ MINH	THỨ	18/05/06	MC24111			
6	22400356	NGUYỄN THẢO ANH	THỨ	28/03/06	MC24111			
7	22401581	NGUYỄN LAM	THY	28/03/06	MC24111			
8	22400195	TRẦN MAI THỦY	TIỀN	18/03/06	MK24111			
9	22401870	LÂM PHƯƠNG	UYÊN	07/08/06	MC24111			
10	22400394	NGUYỄN THẾ	VINH	16/10/06	LG24111			
11	22002567	PHẠM LONG	VĨ	03/01/02	NH20111			
12	22402838	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	Ý	13/04/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 1530
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 025 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401644	NGUYỄN TẤN	AN	20/04/05	MC24111			
2	22400127	MAI LÊ LAN	ANH	20/01/06	LG24111			
3	22000663	NGUYỄN VÂN	ANH	18/11/02	KS20111			
4	22400134	VÕ HOÀNG MINH	ANH	07/12/06	MC24111			
5	22104441	BÙI NGỌC NHÂN	ÁI	05/11/03	TT21111			Cấm thi
6	22401381	TRỊNH PHÁT	ĐẠT	07/02/06	MC24111			
7	22400396	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	26/10/06	LG24111			
8	22401468	MAI MINH	HIỆU	15/04/06	MC24111			
9	22402825	HÀ TUẤN	HIỆN	27/08/06	MC24111			
10	22400197	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/01/06	MK24111			
11	22403082	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	15/07/03	MC24111			
12	22400094	NGUYỄN PHÚC	LỘC	06/07/04	TK24111			Cấm thi
13	22401481	NGUYỄN	MÃN	07/05/06	MC24111			
14	22207773	DƯƠNG ANH	MINH	08/10/04	QL22111			
15	22402188	NGUYỄN NHẬT	NAM	25/02/06	MC24111			
16	22400331	NGUYỄN NGỌC THUỶ	NGÂN	02/02/06	MK24111			Cấm thi
17	22401754	VÕ CẨM	NGHI	29/01/06	MK24111			
18	22400179	ĐÀO THANH	NGUYỆT	14/03/06	MK24111			
19	2197280	LÊ HIỆP	NGUYỄN	29/08/01	KS19111			
20	22401626	LÊ ĐÀM QUANG	NHẬT	26/08/06	MC24111			
21	22400444	NGUYỄN THỤY YẾN	NHI	14/11/04	MC24111			
22	22402083	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/10/06	MC24111			
23	22401454	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHƯ	03/09/06	MC24111			
24	22400345	BÙI QUỐC	PHA	18/03/06	TK24111			
25	22401718	BÙI ĐÌNH	PHÁT	09/06/06	MC24111			Cấm thi
26	22400450	HỒ GIA	PHÁT	26/07/06	LG24111			Cấm thi
27	22400114	LÊ NGUYỄN MINH	TÂM	09/06/04	TK24111			Cấm thi
28	22400335	LÊ MINH	TÂN	10/12/02	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1600 – Số hiệu lớp: 1532
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 026 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014648	ĐINH HOÀNG LAN	ANH	08/01/02	TV20111			
2	22014689	LÊ THỊ THÙY	ANH	01/12/02	NL20111			
3	22116586	THÂN TRỌNG	ĐỨC	21/08/03	TV21111			
4	22004256	PHẠM HỒNG	HẢI	14/04/02	MK20111			
5	22205032	QUA GIA	HÂN	22/02/04	DK22111			
6	22207201	BÙI NGUYỄN HOÀNG	HUY	26/01/04	BL22111			
7	22207369	PHẠM THỊ MINH	HUYỀN	02/05/04	DM22111			
8	22401042	TRẦN MẠNH QUỐC	KHÔI	28/10/06	DA24111			Cấm thi
9	22010129	TIÊU ANH	KIỆT	01/04/02	MK20111			
10	22401830	BÙI HÀ	LAN	26/04/06	TV24111			
11	22111669	CHÂU MỸ	LINH	23/07/03	KT21121			
12	22500027	NGUYỄN VŨ NGỌC	LINH	24/03/05	NT25111			
13	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			Cấm thi
14	22206493	NGUYỄN GIA	MỸ	10/12/04	KN22111			Cấm thi
15	22205554	BÙI PHƯƠNG	NAM	19/07/04	TV22111			
16	22206969	LÊ NGUYỄN THU	NGÂN	27/09/04	DM22111			Cấm thi
17	22207632	TRƯƠNG KHÁNH	NGÂN	16/03/02	MK22111			
18	2181441	NGUYỄN MINH	NGỌC	31/07/00	TN1811			
19	22301325	LÊ HOÀNG KIM	NGUYỄN	30/04/05	DM23111			
20	22400559	LÝ THUẬN	NGUYỄN	28/12/06	NT24111			
21	22401542	TRẦN HOÀNG	NGUYỄN	24/01/06	NT24111			
22	22000811	TRẦN KIỀU ANH	NHÂN	17/01/02	MK20111			
23	22008060	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	01/08/02	DL20121			Cấm thi
24	22402960	VÕ PHẠM MINH	QUÂN	25/07/06	NT24111			
25	22011654	PHAN VĂN	QUYỀN	15/06/02	TV20111			
26	22109481	CÁI HOÀNG	SANG	24/08/02	KN21111			
27	22401074	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	TÂM	03/11/06	NT24111			
28	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
29	22400790	NGUYỄN LÊ	THẮNG	04/01/06	NT24111			
30	22206180	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	03/07/04	DM22111			
31	22400929	HUYỀN HỒ QUANG	TIẾN	18/09/06	TV24111			
32	22401409	ĐÀO KIỀU	TRANG	08/03/06	NT24111			
33	22400650	NGÔ KIỀU	TRÂN	03/08/06	NT24111			
34	22403022	NGUYỄN NGỌC THANH	TUYỀN	06/12/06	NT24111			
35	22401083	DƯƠNG THANH	VY	18/05/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1900 – Số hiệu lớp: 1535
Giảng viên: Đàm Tấn Thành
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 027 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403156	PHAN NGÔ HÒA	AN	27/01/06	TN24111			Cấm thi
2	22402762	HÀ NGỌC MỸ	ANH	01/05/06	MK24111			
3	22402869	NGUYỄN TUYẾT NGOC	CHÂU	31/05/06	MK24111			
4	22402943	TRẦN THỊ KIM	CHI	05/08/06	LG24111			
5	22402130	HUYỀN QUỐC	CƯỜNG	11/06/06	LG24111			
6	22402950	TRẦN TUẤN	ĐẠT	11/11/05	LG24111			
7	22402820	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	12/04/06	MK24111			
8	2195550	NGUYỄN TRỌNG	HUY	20/03/01	QL19111			
9	22403019	OBA	KIÊN	09/02/04	LG24111			
10	22402678	NGUYỄN THÁI VŨ	LÂM	26/12/05	TN24111			
11	22402866	BÙI THỊ THUỖ	LINH	25/01/06	LG24111			
12	22401477	ĐOÀN KHÁNH	LINH	04/01/06	MC24111			
13	22500346	NGUYỄN THANH PHÚC	LỘC	25/10/06	DM25111			Cấm thi
14	22402179	ĐỖ UYÊN	MY	07/11/06	MK24111			
15	22403111	VÕ KIM	NGÂN	19/08/06	LG24111			
16	22401968	NGUYỄN THÁI HIỀN	NHI	24/01/06	LG24111			
17	22402173	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	NHI	16/03/06	MK24111			Cấm thi
18	22402901	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	10/08/06	MK24111			
19	22402728	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	14/04/06	MK24111			
20	22402272	LÊ LÂM HOÀNG	OANH	17/10/06	LG24111			
21	22402868	LÃ DUY	PHÚC	26/04/06	MK24111			
22	22402927	NGÔ TRẦN THIỆN	PHÚC	14/10/06	DA24111			
23	22402884	BÙI THỊ BÍCH	PHƯỢNG	28/02/06	LG24111			
24	22402976	NGUYỄN CHÍ	QUANG	17/05/06	LG24111			
25	22402739	ĐỖ MINH	QUÂN	24/01/06	LG24111			
26	22402873	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/08/06	MK24111			
27	22402680	LƯƠNG VĨNH	SANH	13/10/06	MK24111			
28	22402817	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	27/11/06	LG24111			
29	22403220	TRẦN TUẤN	TÀI	08/07/03	MK24111			
30	2199064	NGUYỄN THANH	THẢO	12/09/01	TV19111			Cấm thi
31	22401988	HUYỀN TÚ	TRANG	10/09/06	MK24111			
32	22402180	TRẦN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/06	MK24111			
33	22402904	LÝ KHÁNH	VÂN	12/01/06	MK24111			
34	22402787	NGUYỄN QUANG	VINH	18/10/06	LG24111			
35	22401914	LÊ KHÁNH	VY	02/09/04	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2300 – Số hiệu lớp: 1539
Giảng viên: Nguyễn Chí Thành
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 217 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
4	22206732	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	11/11/04	PM22111			
5	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
6	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			Cấm thi
7	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			Cấm thi
8	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
9	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
10	22205826	TRƯƠNG VĂN	HUY	13/03/04	QL22111			
11	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
12	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
13	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
14	22109384	NGUYỄN LÊ ĐỨC	MẠNH	17/12/03	TV21111			
15	22401297	LAİ KIM	MINH	01/11/06	QL24111			Cấm thi
16	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
17	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
18	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
19	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
20	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
21	22101407	LÊ QUÝ	PHÁT	23/01/03	HQ21111			
22	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
23	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
24	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
25	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
26	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
27	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
28	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
29	22205917	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	22/10/04	TV22111			
30	22140256	TRIỆU ANH	THƯ	10/09/02	TV21111			
31	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
32	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			Cấm thi
33	22206599	DƯƠNG TRẦN DUY	TRƯỜNG	02/10/04	QL22111			
34	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			Cấm thi
35	22401608	DƯƠNG BÙI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
36	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			
37	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1520
Giảng viên: Đinh Thị Hồng Ân
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 028 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401456	NGUYỄN QUỐC	AN	22/04/04	NL24111			
2	22401562	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	18/07/06	TC24111			
3	22400742	LƯU DIỆU	ÁI	29/05/03	TC24111			
4	22400055	TRẦN NGỌC GIA	BAO	10/05/06	TT24111			
5	22400780	NGUYỄN DUY	BIN	01/02/06	TT24111			
6	22400549	PHAN THÀNH	ĐỨC	24/07/06	TC24111			
7	22400160	BẰNG LƯU QUANG	HUY	21/12/06	NL24111			
8	22400189	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	01/08/04	TC24111			
9	22401832	BÙI VĂN	KHẢI	13/06/06	NL24111			
10	22401373	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	09/05/06	TT24111			
11	22400850	NGUYỄN THỊ KIM	LINH	22/11/04	TT24111			
12	22400810	LƯU TIỂU	MÃN	12/03/06	TC24111			
13	22401769	TRƯƠNG QUANG	MINH	14/07/06	TT24111			
14	22401543	DƯƠNG NGỌC	NGÂN	10/01/06	TT24111			Cấm thi
15	22401677	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	18/12/06	NL24111			
16	22400858	VÕ PHAN ÁNH	NGUYỆT	10/07/06	NL24111			
17	22014436	PHẠM GIA	NGUYỄN	19/03/02	MC20111			
18	22401480	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	03/03/06	NL24111			
19	22402482	TRẦN PHẠM THẢO	NHI	23/12/06	LG24111			
20	22400059	NGÔ TUYẾT	PHƯƠNG	06/02/04	TT24111			
21	22401569	NGUYỄN PHÙNG CÁT	PHƯƠNG	22/01/06	TC24111			
22	2190955	LÊ CAO THANH	SƠN	24/02/01	KS19111			
23	22401573	TRẦN THÀNH	TÀI	15/11/06	TT24111			
24	22400567	CHÂU MỸ	TÂM	06/03/06	TC24111			
25	22401291	PHAN TẠ BẢO	THIỆN	19/02/06	NL24111			
26	22400817	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	26/07/06	TC24111			
27	22400677	BÙI NGỌC ANH	THƯ	13/09/06	NL24111			
28	22400743	ĐINH THỊ THUY	TRANG	20/11/05	TC24111			
29	22401282	TRẦN THU	TRANG	01/08/06	TT24111			
30	22400942	NGÔ HOÀNG	TUẤN	05/03/06	TC24111			
31	22400978	ĐỖ ÁNH GIA	VY	04/03/04	NL24111			
32	22401582	KA LÔ IT LÊ	VY	28/11/06	TC24111			
33	22401583	NGUYỄN NGỌC THUY	VY	30/06/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1521
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400441	NGUYỄN DƯƠNG THỰC	ANH	02/02/05	DL24111			
2	22400555	PHẠM VÂN	ANH	04/10/06	TV24111			
3	22400035	ĐOÀN KHƯƠNG	DUY	30/01/03	PR24111			
4	22402218	MAI NGUYỄN GIA	HÂN	25/06/06	PR24111			Cấm thi
5	22400997	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	05/08/06	PR24111			
6	22402994	OH NAM	KIỀU	17/11/04	PR24111			Cấm thi
7	22400317	TRẦN HOÀNG	KIM	01/02/06	KS24111			
8	22400347	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/06/06	TV24111			
9	22402404	NGUYỄN THỤY NHẬT	LINH	15/09/06	PR24111			
10	22402839	LÊ HUY HOÀNG	MY	12/04/06	PR24111			
11	22400102	WANG KHIẾT	MY	26/01/06	DL24111			
12	22205137	NGUYỄN THANH	NGÂN	19/04/04	TV22111			
13	22400756	NGUYỄN PHẠM GIA	NGHI	22/09/06	PR24111			
14	22400959	TRẦN GIA	NGHI	23/06/06	PR24111			
15	22400471	ĐOÀN THANH	NGỌC	24/10/06	TV24111			
16	22012276	TRẦN PHAN KHÁNH	NGỌC	21/10/02	TL20111			
17	22401795	VÕ THU	NGUYỆT	25/08/06	PR24111			
18	22400093	HUYỀN PHẠM YẾN	NHƯ	06/10/06	KT24111			
19	22400116	PHAN THỤY HUỲNH	NHƯ	08/12/05	NT24111			
20	22012505	NGUYỄN VĂN TIẾN	PHONG	14/11/02	KS20111			
21	22400150	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29/10/06	TV24111			
22	22400092	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	17/08/02	NH24111			
23	22402089	NGHÊ THỰC	TÂM	30/03/06	PR24111			
24	22401386	NGUYỄN TRẦN DUY	TẤN	07/01/05	PR24111			Cấm thi
25	22400613	NGUYỄN NHƯ HẢI	THANH	19/03/06	PR24111			
26	22400538	LÝ UYÊN	THẢO	22/08/06	TV24111			
27	22008465	NGUYỄN QUỲNH	THY	16/07/02	KS20111			
28	22400777	HỒ THỊ BÍCH	TIẾN	17/02/05	PR24111			
29	22400152	TRẦN NGỌC ĐOAN	TRANG	02/01/04	PR24111			Cấm thi
30	22400192	LÝ QUỲNH	TRÂM	28/10/06	NT24111			
31	22400104	LÊ ĐỨC	TRỌNG	14/09/06	DL24111			
32	22402886	VÕ QUỐC HƯƠNG	TRÚC	05/12/06	PR24111			
33	22400211	VÕ HOÀNG BẢO	VY	10/01/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1524
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401088	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	14/01/06	NT24111			
2	22400903	VŨ THỊ KIỀU	ANH	08/03/06	KS24111			
3	22400915	LƯU TRƯỜNG	CHÍ	20/11/06	TV24111			
4	22400819	TẶNG BỘI	DU	19/11/06	NT24111			
5	22400957	LÂM HẢI	ĐĂNG	27/07/05	FT24111			
6	22401092	HÀ KIẾN	HÀO	05/10/06	TV24111			
7	22401157	NGUYỄN CÔNG	HẬU	28/02/06	TV24111			
8	22400896	HUYỀN LÊ CHÍ	HIẾU	11/04/06	TV24111			
9	22400787	NGUYỄN TUẤN	HUY	17/03/06	TV24111			
10	22401293	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	20/07/06	NT24111			
11	22400908	LÝ NGỌC	HƯƠNG	22/09/06	NT24111			
12	22401121	LÊ TRẦN TUỒNG	HY	01/11/06	TV24111			
13	22400813	NGUYỄN CHÍ	KHANG	03/05/05	NT24111			Cấm thi
14	22401258	LÊ TUẤN	KIỆT	17/12/06	TV24111			
15	22401038	TRƯƠNG DUY	LỢI	08/12/06	FT24111			
16	22400759	HỒ TRẦN NHẬT	MINH	25/11/05	TV24111			
17	22401298	LÂM XUÂN	NGHI	04/12/06	TV24111			
18	22401316	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22/08/05	FT24111			
19	22400923	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	20/01/06	TV24111			
20	22400868	NGUYỄN TẤN	PHÁT	04/07/06	KT24111			
21	22400870	NGUYỄN HOÀNG ANH	QUỐC	09/01/06	KS24111			
22	22401165	NGUYỄN BẢO	SANG	21/04/06	NT24111			
23	22400818	PHAN TRÚC	THANH	29/12/06	KS24111			
24	22400834	NGUYỄN HOÀN GIA	THÀNH	19/07/06	NT24111			Cấm thi
25	22401136	QUÁCH HẠNH	THỊ	09/03/06	TV24111			Cấm thi
26	22401148	TÔ PHÁT	THỊNH	29/10/06	NT24111			Cấm thi
27	22401040	HỨA NGUYỄN MINH	THỨ	21/08/06	FT24111			
28	22400941	TỬ CÔNG	THỪA	04/12/06	TV24111			
29	22401261	ĐÌNH NGỌC	TRÂM	26/07/06	TV24111			
30	22400894	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	04/01/04	KS24111			
31	22401049	NGUYỄN QUAN	TRƯỜNG	10/04/06	NT24111			
32	22401342	VÕ CHÂU	TUẤN	29/04/06	EM24111			
33	22400869	HỒ NGỌC KHÁNH	VY	23/11/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1525
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 023 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402225	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	11/03/06	TC24111			
2	22400611	NGÔ KIM	BẢO	12/05/06	NT24111			
3	22300711	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25/04/02	KS23111			
4	22400718	TRẦN KHÁNH	DUY	18/07/05	NT24111			
5	22400652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	27/04/06	NT24111			
6	22400569	BÙI VĂN NHẬT	HÀO	11/01/06	DL24111			
7	22402611	LÊ QUỐC	HÀO	21/10/06	TC24111			
8	22402635	NGUYỄN HÙNG	HẬU	29/08/06	TC24111			
9	22402861	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	08/10/06	TC24111			
10	22402931	TẶNG PHÚC	HƯNG	10/11/06	TT24111			
11	22402924	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHANG	20/01/06	TC24111			
12	22400416	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	16/04/04	KT24111			
13	22400702	PHAN LÊ NGỌC	MAI	21/03/06	DL24111			
14	22005659	MAI THỊ KIỀU	MI	13/11/02	KS20111			
15	22402108	HỒ THỊ TRÀ	MY	18/04/06	TC24111			
16	22400635	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	MY	19/01/06	NT24111			
17	22402828	HUỲNH SONG	NGÂN	25/10/06	NL24111			
18	22402692	PHAN CHÍ	NGHĨA	06/12/04	TT24111			
19	22402699	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	16/11/06	TC24111			
20	22401938	LƯU TẤN	NHẬT	19/10/06	TC24111			
21	22400602	LÊ VŨ GIA	PHONG	13/06/05	NT24111			
22	22402032	TRẦN NGỌC	PHỤNG	21/11/06	NL24111			
23	22401923	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	08/08/02	TC24111			Cấm thi
24	22402778	NGUYỄN TẤN	SANG	20/08/06	NL24111			
25	22400491	ĐẶNG QUAN	THẠNH	09/07/04	NT24111			
26	22402686	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	08/04/06	NL24111			
27	22401720	VŨ NGUYỄN CA	THUY	11/02/06	TV24111			
28	22402054	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TỶ	24/05/06	NL24111			
29	22402736	PHAN QUANG	VINH	26/04/06	TC24111			
30	22400591	NGUYỄN TRANG PHƯƠNG	VY	18/01/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1526
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401553	BÙI TRẦN THANH	THẢO	28/07/05	NT24111			
2	22401366	PHẠM PHÚ	THỊNH	16/04/06	TV24111			
3	22401318	NGUYỄN TRƯỜNG	TÍNH	11/06/06	KS24111			
4	22401667	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	08/09/06	TV24111			Cấm thi
5	22401676	NGUYỄN BẢO	TRINH	18/12/06	TV24111			
6	22401512	NGUYỄN THANH	UYÊN	04/03/06	NH24111			
7	22401400	PHAN PHÚ	VINH	28/09/06	NT24111			
8	22401495	ĐỖ THỊ THUÝ	VY	02/09/06	NT24111			
9	22401793	LÊ KIM MỸ	YÊN	23/09/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1526
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 025 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401494	DƯƠNG BẢO	ÂN	12/02/05	KS24111			
2	22401383	HÀ KIM	CƯƠNG	02/06/06	NT24111			
3	22401395	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	07/12/06	NT24111			
4	22401513	TẠ QUANG QUỐC	CƯỜNG	31/10/06	FT24111			
5	22401457	THÁI THƯỢNG	DUY	03/08/06	TV24111			
6	22401713	TRẦN BẢO	DUY	11/04/06	TV24111			
7	22401343	LÊ TIẾN	DŨNG	10/11/06	FT24111			
8	22114883	HUYỀN TẤN	ĐẠT	17/11/03	KN21111			
9	22401725	HUYỀN TUẤN	ĐẠT	11/10/06	TV24111			Cấm thi
10	22401586	LẠI ĐÌNH THÀNH	ĐẠT	15/05/06	TV24111			
11	22401631	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/06/06	FT24111			
12	22400752	PHẠM MINH	HẬU	19/03/02	KS24111			
13	22401541	TRẦN THỤY XUÂN	HIỀN	30/10/06	KS24111			
14	22401544	VÕ LÝ AN	KHANG	27/01/06	TV24111			
15	22401518	NGUYỄN NGỌC MAI	KHÔI	03/12/06	KT24111			
16	22401406	LÝ XƯƠNG	LÂM	02/04/06	KS24111			
17	22401737	NGUYỄN THANH XUÂN	MAI	26/01/06	NT24111			
18	22401634	NGUYỄN THÀNH	NAM	09/04/06	NT24111			
19	22401739	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	14/08/06	NT24111			Cấm thi
20	22401364	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	10/09/06	TV24111			
21	22115131	TRƯƠNG NGỌC THANH	NHÃ	04/12/03	KN21111			
22	22401528	NGUYỄN ĐẶNG UYÊN	NHI	19/01/06	NT24111			
23	22401738	TRẦN THUỖ	NHIÊN	20/09/05	NH24111			
24	22401476	VĂN THANH HỒNG	NHUNG	27/02/06	TV24111			
25	22401526	NGUYỄN GIA	PHÚ	06/02/06	FT24111			
26	22401579	NGUYỄN HẢI	PHƯƠNG	16/12/06	NT24111			
27	22401810	LƯU HUỆ	SAN	06/12/06	DL24111			
28	22401489	PHAN HOÀNG	THÁI	05/09/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 1533
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 026 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401747	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/07/06	KT24111			
2	22402093	NGUYỄN MINH THỦY	ANH	17/11/06	KS24111			Cấm thi
3	22402934	NGUYỄN PHI	ANH	29/01/01	DL24111			
4	22402720	ĐỖ THỊ	DUYÊN	10/12/06	NT24111			
5	22402744	PHAN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/04/06	NT24111			
6	22402837	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	15/09/05	TV24111			
7	22402920	TRẦN VĂN	HIẾU	11/03/06	TV24111			
8	22403003	TRẦN NHẬT	HUY	01/02/06	NT24111			
9	22402565	HỒ ÁNH	LINH	27/12/06	KT24111			
10	22402585	HUYỀN NHẬT	MAI	14/12/06	KT24111			
11	22402789	NGUYỄN LÊ ANH	MINH	10/04/06	NT24111			
12	22402061	LÊ TRẦN PHÚ	NGÂN	07/09/06	TV24111			
13	22401994	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/09/06	KT24111			
14	22402165	HỒNG BỘI	NGHI	14/08/06	TV24111			
15	22402969	TRƯƠNG GIA	NGHI	01/03/06	TV24111			
16	22402246	LƯU BẢO	NGỌC	23/09/06	TV24111			
17	22403018	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	12/01/06	TV24111			
18	22402916	PHAN THÀNH	NGUYỄN	21/02/06	NH24111			
19	22402751	ĐÌNH NGUYỄN MINH	NHẬT	03/04/06	FT24111			
20	22402679	HOÀNG NGỌC TÂM	NHƯ	09/03/06	KS24111			
21	22402918	HUYỀN THỊ QUỲNH	NHƯ	22/02/05	NT24111			
22	22402841	BÙI NGUYỄN DẠ	QUYÊN	16/06/06	TV24111			
23	22402733	PHẠM NGỌC	QUÝ	12/06/06	TV24111			
24	22401842	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	11/11/06	TV24111			
25	22403112	LÊ NGUYỄN AN	THIỆN	13/07/00	DL24111			
26	22402770	LÊ THỊ THANH	THÚY	30/10/06	DL24111			
27	22401873	ĐỖ NGỌC HÀ	THY	19/08/06	NT24111			
28	22402830	LƯƠNG VÕ HOÀNG NGỌC	TIỀN	09/08/06	KT24111			
29	22402031	TRẦN THỊ THUỶ	TIỀN	10/08/06	TV24111			
30	22402763	HỒ THỊ QUẾ	TRÂN	16/09/06	KS24111			
31	22402448	NGUYỄN NHẬT	TRÂN	11/11/06	TV24111			
32	22403056	HUYỀN MAI PHƯƠNG	TRINH	11/07/06	TV24111			Cấm thi
33	22402959	HOÀNG QUỐC	TUẤN	02/12/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 1534
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22113910	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	13/11/01	TK21121			
2	22207197	LƯU TIẾN	SANG	06/03/04	QL22111			
3	22205543	NGUYỄN HỒNG	SON	24/06/04	NH22111			
4	22500005	TRẦN NHẬT	TÂN	14/01/02	MK25111			
5	22108182	BÙI MINH	THÀNH	31/01/03	MK21111			
6	22205376	ĐỖ MINH	THƯ	10/09/03	PR22111			Cấm thi
7	22109807	NGUYỄN HOÀI BẢO	THƯ	15/11/03	TV21111			
8	22400425	ĐẶNG BẢO	TÍN	22/11/02	TN24111			
9	2183187	CHUNG THẾ	TRÂN	01/01/99	MD1811			
10	22114462	NGUYỄN MINH	TRÂN	30/10/03	NH21111			
11	22013425	NGUYỄN THANH	TRÚC	12/11/02	TC20111			
12	22200016	TRẦN NGUYỄN MỸ	UYÊN	07/11/02	NH22111			
13	22400421	HỒ THỊ THẢO	VY	10/12/05	TV24111			Cấm thi
14	22401729	NGUYỄN ĐỖ THẢO	VY	06/04/03	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 1534
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 027 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22100782	HUỲNH LÊ MINH	ANH	23/05/03	TV21111			
2	22300139	LÂM TUỆ	BỬU	19/11/04	MK23111			
3	22107039	HỒ VĂN	CƯỜNG	16/03/03	MK21111			
4	22206279	MARI	DAMILA	29/01/04	KT22111			
5	22010005	NGÔ ĐỨC	DUY	12/11/02	MD20111			
6	22011183	PHAN ANH	DUY	22/09/01	DT20111			
7	22400013	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/04/04	TV24111			
8	22107956	NGUYỄN GIA	LẬP	07/09/03	TV21111			
9	22200561	LÊ LỤC	LINH	19/01/04	DM22111			
10	22117864	PHẠM ĐỨC	LINH	27/01/03	KN21111			
11	22205889	VŨ KHÁNH	LINH	16/03/04	KT22111			
12	22206436	NGUYỄN QUANG	MINH	01/07/99	NH22111			
13	22400381	TRẦN THANH	NAM	17/07/05	LG24111			
14	22207350	NGUYỄN TRẦN THÚY	NGÂN	24/08/03	NT22111			
15	22109598	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	04/07/03	LG21111			
16	22205342	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	22/03/04	KT22111			
17	22100091	ĐOÌ THỊ NGÂN	PHƯƠNG	25/08/02	TK21121			
18	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	LG24111			
19	22114488	CAO ĐẶNG KIM	QUYÊN	02/10/03	DM21111			
20	2191891	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUYÊN	19/03/01	TV19112			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1517
Giảng viên: Nguyễn Thanh Tùng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400568	NGUYỄN NHƯ	THẢO	15/12/03	EM24111			Cấm thi
2	22400432	NGUYỄN ANH	THỨ	22/08/06	DK24111			
3	22400678	VÕ TRẦN MINH	THỨ	14/10/06	EC24111			
4	22400698	HUỖNH ĐẶNG CẨM	TIẾN	27/04/06	BL24111			
5	22400639	LÊ NGỌC THÙY	TRANG	07/11/06	DK24111			
6	22400404	HUỖNH GIA	TUẤN	18/06/06	DM24111			
7	22400785	LÊ ANH	TUẤN	07/11/06	EC24111			
8	22400776	VÕ HOÀNG NGỌC	TÚ	16/12/05	DK24111			
9	22000839	ĐỖ MỸ	VY	12/11/99	DK20111			Cấm thi
10	22400575	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	07/07/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1517
Giảng viên: Nguyễn Thanh Tùng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400732	HẠ MINH	ANH	17/09/05	TL24111			
2	22400545	LÊ TUẤN	ANH	21/04/05	TL24111			
3	22400413	PHẠM GIA	BẢO	08/02/06	DM24111			
4	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
5	22000307	ĐỖ PHI	ĐẠT	03/12/00	TV20111			
6	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
7	22400453	LÊ GIA	HÂN	26/11/06	EM24111			
8	22400458	NGUYỄN QUỐC	HIỂN	21/11/06	DK24111			
9	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			Cấm thi
10	22400208	NGUYỄN THÙY LINH	HƯƠNG	01/02/01	DK24111			
11	22400816	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/06	DM24111			
12	22400821	ĐỖ ĐÌNH	KHẢI	20/12/06	DK24111			
13	22301535	LÊ NGUYỄN ANH	KHÔI	17/02/05	QL23111			
14	22400667	TRỊNH THỰC	KHUÊ	16/11/05	TL24111			
15	22400467	ĐOÀN THỊ THUỖ	LINH	17/12/06	DA24111			
16	22400788	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/03/06	DM24111			
17	22403167	PHẠM THỊ THUỖ	LINH	22/07/93	TL24111			
18	22400495	SỬ PHƯƠNG	LINH	10/04/06	DK24111			
19	22400352	TRẦN NGUYỄN BẢO	LONG	26/07/02	TL24111			
20	22400843	TRƯƠNG TRÚC	LY	21/12/06	DK24111			
21	22400751	ĐÀM THIÊN BẢO	NGHIÊM	14/05/06	TL24111			
22	22400520	HOÀNG PHẠM KHÁNH	NGỌC	20/05/05	DK24111			
23	22400443	NGUYỄN SONG	NGUYỄN	31/07/01	TL24111			
24	22400740	DƯƠNG KIỀU	OANH	02/11/03	EM24111			Cấm thi
25	22400691	TRẦN ĐẶNG THIÊN	PHÚC	15/12/06	EM24111			
26	22400623	ĐẶNG UYÊN	PHƯƠNG	10/01/06	TL24111			
27	22400722	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	06/08/04	DK24111			Cấm thi
28	22400542	NÌM NGỌC	QUÝ	08/04/06	DK24111			
29	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1518
Giảng viên: Nguyễn Thanh Tùng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 023 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22000390	NGUYỄN KIM TRÂM	ANH	04/04/00	DK20111			
2	22401485	THÁI QUANG	ANH	16/09/03	SE24111			
3	22400366	LÊ NGUYỄN	ĐĂNG	14/05/05	DM24111			Cấm thi
4	22400151	PHAN HUỲNH THIÊN	ĐỨC	29/05/06	EC24111			
5	22401743	TRẦN DUY	HẢI	02/03/06	SE24111			
6	22400172	LÊ THỊ NGỌC	HẠNH	15/08/06	EM24111			
7	22400373	NGUYỄN NHƯ	HIỀN	13/04/06	DM24111			
8	22400615	LÊ THIỆU	KHANG	19/01/06	SE24111			
9	22112460	LÊ NGUYỄN THANH	LÂM	23/11/01	BL21111			
10	22400312	TRỊNH MINH	LỢI	02/09/06	DM24111			Cấm thi
11	22402848	PHẠM BẢO KHÁNH	MINH	30/08/06	EM24111			
12	22401610	LÊ QUỲNH	NHƯ	31/07/06	EM24111			
13	22400065	TÔ TÂM	NHƯ	10/04/04	TL24111			
14	22401262	PHAN THẾ	PHONG	01/01/06	SE24111			
15	22401969	THÁI NHÃ	PHƯƠNG	24/01/06	EM24111			
16	22400032	HỒ TẤN MINH	QUÂN	20/01/03	DM24111			
17	22400129	VÕ NGỌC	QUỲNH	09/04/06	TL24111			
18	22400319	NGUYỄN TẤN	SANG	20/09/05	EC24111			
19	22403207	SÔI NGỌC	SƠN	05/09/04	SE24111			
20	22400058	NGUYỄN TƯỚNG	TÀI	18/09/04	DM24111			Cấm thi
21	22400161	HOÀNG NGỌC	THANH	15/07/06	EM24111			
22	22402700	CAO QUỐC	THÁI	15/09/06	SE24111			
23	22402944	NGUYỄN	THẮNG	31/07/06	SE24111			
24	22400141	DƯƠNG BỘI	THƯ	06/10/06	DK24111			
25	22400219	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THƯ	27/12/05	DM24111			
26	22400202	ĐỖ NGỌC MINH	THƯ	06/02/06	DK24111			
27	22400119	HUỲNH MINH	THƯ	22/04/06	DM24111			
28	22400399	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	04/06/05	EC24111			
29	22301320	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	11/07/05	MK23111			
30	22400215	TRẦN HỮU	TRỌNG	01/04/06	DM24111			
31	22400574	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	13/12/06	MK24111			
32	22302116	TRẦN NGỌC BÍCH	TUYỀN	23/11/04	MK23111			
33	22401687	NGUYỄN	TÚ	11/02/05	SE24111			
34	22400344	TRỊNH HOÀNG	VY	07/04/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 1528
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 025 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401067	HÀ PHƯƠNG	ANH	24/10/04	EM24111			
2	22400950	NGUYỄN LÂM TRÚC	ANH	12/03/06	DK24111			
3	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BĂNG	17/06/06	LW24111			
4	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
5	22401161	NGUYỄN LÊ GIA	HÂN	16/12/06	TL24111			
6	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
7	22400993	HÀ BẢO	HOÀNG	04/08/04	DM24111			
8	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			
9	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
10	22400931	LÂM CHẤN	KHANG	22/10/06	DK24111			
11	22401046	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANG	11/07/06	DK24111			
12	22401060	TRẦN THỨC	KHÁ	18/01/06	DK24111			
13	22400871	ĐỖ ANH	LONG	05/11/06	DM24111			
14	22401166	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	03/04/06	EM24111			
15	22400706	HUYỀN XUÂN	MAI	23/02/06	DK24111			
16	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			
17	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
18	22115225	KHUU CHÂU ĐỨC	NHÂN	12/10/03	MK21111			
19	22401169	CAO THANH	NHẤT	01/01/06	DM24111			
20	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
21	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			
22	22401008	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	26/10/06	EC24111			
23	22400954	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	14/10/06	EM24111			
24	22401018	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	01/03/06	DM24111			
25	22400924	HOÀNG ANH	TÀI	18/07/06	DM24111			
26	22115220	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/11/03	BL21111			
27	22401014	LÊ MY	THƯ	23/06/06	DK24111			
28	22401013	TRẦN THỊ MINH	THƯ	22/01/04	DK24111			
29	22401149	NGUYỄN NGỌC THUY	TIẾN	03/07/06	DM24111			
30	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
31	22401055	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/05/06	DM24111			
32	22400886	NGUYỄN HOÀNG MINH	TRIẾT	12/11/06	DK24111			
33	22401153	PHẠM THỊ NGỌC	TRÚC	06/04/06	DK24111			
34	22401102	VŨ KHẮC NGUYỄN	VŨ	24/06/06	DM24111			
35	22400979	NGUYỄN TƯỜNG	VY	24/02/06	TL24111			
36	22401006	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	05/03/06	EM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00

Lớp học phần: 1300 – Số hiệu lớp: 1529

Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 026 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401329	DƯƠNG KIỀU	ANH	21/01/06	DM24111			
2	22401332	HUỲNH CHÂU	ANH	10/01/06	DM24111			
3	22401577	LÊ HOÀNG	ANH	26/11/03	DK24111			
4	22401449	NGUYỄN ĐỨC TÀI	ANH	02/10/05	DK24111			
5	22401601	NÔNG HOÀNG	ANH	10/02/04	DK24111			
6	22401614	LÔ GIA	BẢO	23/03/06	DM24111			
7	22401356	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	DUY	29/08/06	DM24111			Cấm thi
8	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
9	22401345	LÊ THỊ MINH	HẰNG	21/02/06	DK24111			
10	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
11	22401284	LƯU THỊ CHÍ	LINH	05/06/06	DM24111			
12	22401460	NGUYỄN NHẬT	MINH	07/03/06	DK24111			
13	22401479	H KHUÊ RƠ	NANG	29/01/06	DK24111			
14	22401407	TRƯƠNG MỸ	NGÂN	31/01/06	DM24111			
15	22401110	NGUYỄN LỘC ĐÔNG	NGHI	01/06/06	EM24111			Cấm thi
16	22401339	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	11/01/06	DM24111			
17	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
18	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
19	22401382	NGUYỄN NGỌC	NHƯ	28/12/99	TL24111			
20	22401365	LÊ MINH	PHÁT	02/12/06	DK24111			
21	22401376	NGUYỄN VĨNH	PHÁT	29/11/06	DK24111			
22	22401319	CHƯƠNG ĐÔNG	PHI	07/12/06	DM24111			Cấm thi
23	22401414	THÁNG LIÊN	PHƯƠNG	23/11/06	TL24111			
24	22401572	TRỊNH NHƯ	PHƯƠNG	31/07/05	TL24111			Cấm thi
25	22401450	TRẦN MINH	SƠN	25/06/06	DK24111			Cấm thi
26	22110646	NGUYỄN HỮU THANH	TÂM	12/06/03	TV21111			
27	22401309	VĂN THỊ NGỌC	THANH	08/01/06	DK24111			
28	22401325	BÙI NGUYỄN ANH	THƯ	23/11/06	DK24111			
29	22401563	ĐÌNH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
30	22401324	ĐỖ HOÀNG UYÊN	TRANG	24/06/06	BL24111			
31	22401408	LÊ THỊ THÙY	TRANG	29/09/06	BL24111			
32	22401491	LƯƠNG HUỲNH THÙY	TRANG	02/03/06	DM24111			
33	22401603	NGUYỄN THỊ HOÀNG	TRANG	02/08/06	EM24111			
34	22401289	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	30/05/06	DM24111			
35	22401461	LÊ BẢO	UYÊN	10/01/05	DK24111			
36	22401296	LƯƠNG ĐĂNG MINH	VIỆT	23/12/05	EM24111			Cấm thi
37	22401396	BÙI NGUYỄN HẠ	VY	26/11/06	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 1500 – Số hiệu lớp: 1531
Giảng viên: Nguyễn Bùi Nhật Hoàng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 027 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400531	LÊ MINH HUY	ANH	02/09/99	DK24111			
2	22403160	NGUYỄN HẢI	ANH	10/08/99	LG24111			
3	22112060	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ANH	20/07/03	DA21111			Cấm thi
4	22140166	NGUYỄN HỮU VĂN	CHƯƠNG	25/11/03	QL21111			
5	22108886	TRẦN CÁT TƯỜNG	DOANH	29/01/03	PR21111			
6	22109766	NGUYỄN HIẾU	ĐAN	07/11/03	DK21111			
7	22104701	PHAN NGỌC LINH	ĐAN	16/08/03	TV21111			
8	22014746	NGUYỄN THỊ NGỌC	EM	12/06/02	HQ20111			
9	22118086	NGUYỄN THANH	HIẾU	25/01/03	PM21111			
10	22201978	TRẦN DUY	HIẾU	10/09/04	LG22111			
11	22204242	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	HOA	17/02/04	KN22111			
12	22118082	NGUYỄN HẢI	HUY	09/10/03	PM21111			
13	22400415	NGUYỄN NGỌC MỸ	KHANH	10/08/06	DK24111			
14	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
15	22109247	PHẠM NGUYỄN HẠ	MY	24/07/03	TV21111			
16	22205445	BÙI THỊ HỒNG	NGỌC	19/11/04	TV22111			
17	22116345	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	24/04/03	TV21111			
18	22112898	PHẠM BÁ	PHÚC	20/07/03	TT21111			Cấm thi
19	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			Cấm thi
20	22205750	QUANG MINH	QUÂN	25/11/04	DK22111			
21	22116286	PHẠM NHƯ	QUYNH	28/03/03	TV21111			
22	22206751	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	24/05/04	KN22111			
23	2193720	TRẦN	THÀNH	17/02/01	TV19111			Cấm thi
24	22122639	TRẦN PHÚ	THIỆN	26/03/03	PM21111			
25	22400402	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIỀN	23/11/05	LG24111			
26	22401663	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂM	11/01/06	NT24111			
27	22117102	PHẠM HUYỀN	TRÂN	21/11/03	TV21111			
28	22401612	NGUYỄN ANH	TÚ	22/06/05	EM24111			
29	22402198	LAI TỬ THIẾU	VĨ	28/11/06	MK24111			
30	22100131	LÂM KIM	VY	15/04/01	TV21111			
31	22117040	NGUYỄN ĐẶNG TƯỜNG	VY	08/05/02	TV21111			
32	22111055	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	Y	10/09/03	NH21111			
33	22400572	TRƯƠNG KIM	YẾN	02/03/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 1536
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300621	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	09/08/05	DM23111			
2	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
3	22401668	DƯƠNG THỊ NHƯ	TUYẾT	13/05/06	EM24111			
4	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
5	22401696	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	16/02/06	DM24111			
6	22402271	TRỊNH KỲ	VĂN	28/10/06	DM24111			
7	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
8	22011390	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	22/10/02	DL20121			
9	22401757	TRẦN NGỌC KHÁNH	VY	21/07/06	DA24111			
10	22401733	PHẠM HẢI	YẾN	28/06/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 1536
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 028 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22114334	HÀ NGÂN	ANH	20/01/03	DL21121			
2	22401800	NGUYỄN ĐẶNG THÁI	BẢO	10/11/06	DK24111			
3	22401982	TRẦN LÊ MINH	CHÂU	18/04/06	DK24111			
4	22401702	HÀ THUỖ	DƯƠNG	26/03/06	EM24111			
5	22402328	NGUYỄN CÔNG THÀNH	ĐÔ	03/08/06	EC24111			
6	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
7	22401808	PHẠM ĐỔ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
8	22401674	TRƯƠNG HIẾU	KHÁNH	24/05/06	DM24111			
9	22401669	PHAN NHẬT	KHÔI	07/10/06	DM24111			
10	22401751	LÊ ĐÌNH	LONG	04/10/06	EM24111			
11	22401617	NGUYỄN GIA	MỸ	21/10/06	EM24111			Cấm thi
12	22402001	TRẦN LÊ THIÊN	NGHI	13/12/06	DM24111			
13	22401697	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	10/10/06	EM24111			
14	22401847	HUỲNH THỊ YẾN	NHI	05/08/06	EM24111			
15	22402027	NGUYỄN ĐAN	NHI	20/04/06	DK24111			
16	22401767	VÕ THỊ PHONG	NHI	20/03/06	TL24111			
17	22401623	THẠCH THUY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
18	22401936	NGUYỄN ĐOÀN MINH	QUÂN	07/07/06	DM24111			
19	22401917	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ	QUỲNH	15/09/06	DM24111			
20	22401665	TRẦN MINH THÁI	THANH	08/04/06	EM24111			
21	22401635	ĐÀO DUY	THÁI	25/01/06	DM24111			
22	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
23	22401622	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	23/11/06	DM24111			
24	22401712	NGUYỄN HỮU	THIỆN	09/02/06	DK24111			
25	22401735	CAO HUỲNH ANH	THỨ	09/05/05	EM24111			
26	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THỨ	12/07/06	LW24111			
27	22402312	TRẦN NGUYỄN MINH	THY	31/10/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2100 – Số hiệu lớp: 1537
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402949	HOÀNG NHẬT	ANH	07/08/06	TL24111			
2	22403010	TRẦN NHẬT	ANH	05/07/04	EC24111			
3	22402542	NGUYỄN CHÂU GIA	BẢO	23/10/06	DK24111			
4	22402921	LƯƠNG NGỌC YẾN	BÌNH	01/01/06	DK24111			
5	22402889	VÕ BẢO	CHÂU	18/12/06	DM24111			
6	22402725	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	17/04/06	DK24111			
7	22402922	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	27/01/06	DM24111			
8	22402974	NGÔ NGUYỄN QUỐC	HUY	01/10/06	EC24111			
9	22401643	LÂM QUỲNH	HƯƠNG	06/12/06	DK24111			
10	22402898	ĐÀO NGỌC BẢO	LINH	20/05/06	DM24111			
11	22112950	HOÀNG ĐÌNH YẾN	LINH	17/03/03	PR21111			
12	22403026	TRỊNH GIA	LINH	03/02/06	EC24111			
13	22402741	LÊ QUANG	LONG	28/07/06	DM24111			
14	22402899	PHÙNG CÙNG	LỢI	22/07/06	DK24111			
15	22402811	LẠI PHƯƠNG	MAI	30/09/03	DK24111			
16	22403037	NGUYỄN KHÁNH	MAI	29/03/06	TL24111			
17	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
18	22403196	LÝ VĨ	MINH	18/07/06	EC24111			
19	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
20	22403221	HONG QUANG	MỸ	03/12/06	DK24111			Cấm thi
21	22402737	TRẦN LẠI HÀ	NGUYỆT	24/04/06	TL24111			
22	22402809	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NHÂN	25/08/06	TV24111			Cấm thi
23	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
24	22402879	TRẦN NGUYỄN TUẤN	PHONG	03/02/06	DK24111			
25	22402911	ĐỖ GIA	PHÚ	19/08/06	DM24111			
26	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
27	22402845	HOÀNG HỒNG MAI	PHƯƠNG	31/10/06	EM24111			Cấm thi
28	22403138	LÊ TẤN	TÀI	19/11/04	DK24111			Cấm thi
29	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
30	22402467	HỨA MẠNH	TUẤN	08/11/06	DK24111			
31	22402415	PHAN ĐOÀN ANH	TÚ	20/12/06	DK24111			
32	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
33	22402702	LÂM TRÚC	VY	15/01/06	DK24111			
34	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2200 – Số hiệu lớp: 1538
Giảng viên: Vũ Thị Hoàng Yến
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 217 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2199019	TRÀ PHƯƠNG	ANH	24/05/00	LG19112			Cấm thi
2	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
3	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
4	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
5	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
6	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	PM24111			
7	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
8	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
9	22205401	TRẦN QUANG	KHÁNH	15/11/02	PM22111			Cấm thi
10	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
11	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
12	22011221	LÊ TRÚC	LY	05/12/02	KS20111			
13	22116435	NGUYỄN ĐỨC	MINH	25/11/00	TV21111			Cấm thi
14	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
15	22100366	TRẦN VŨ HẠNH	NGUYỄN	13/11/03	KS21111			
16	22011614	NGUYỄN LÊ NGỌC	NHƯ	19/12/02	TT20111			Cấm thi
17	2195495	LÊ NGUYỄN TRANG	OANH	18/10/01	KS19112			
18	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
19	22201152	LÊ THIÊN	PHÚC	25/05/04	TV22111			Cấm thi
20	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
21	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
22	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
23	22300073	LÊ HỒNG	THÁI	19/01/03	TV23111			
24	22400051	VŨU LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
25	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
26	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
27	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
28	22014530	HUYỀN PHẠM NHÃ	UYÊN	18/09/02	NT20111			
29	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			
30	22000430	VŨ ĐẶNG TƯỜNG	VY	17/12/01	TN20111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1516
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 16g00

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22113264	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	12/07/03	DL21121			
2	22000720	HUỲNH PHƯƠNG GIA	BẢO	28/11/02	TT20111			
3	22205623	A MI NA	BINROJAK	28/12/04	MK22111			
4	22401675	HOÀNG TRỊNH THỰC	CHÂN	09/06/05	MK24111			
5	22401592	TRẦN DƯƠNG MINH	CHÂU	25/09/06	MK24111			
6	22207381	HOÀNG QUỐC	CƯỜNG	01/04/04	QL22111			
7	22402962	PHẠM HOÀNG	DANH	19/08/06	MK24111			
8	22115108	HUỲNH	ĐẠI	14/03/03	DM21111			
9	22100042	VŨ TRẦN TRUNG	ĐỨC	16/01/02	TT21111			
10	22204632	NGUYỄN GIA	HÀO	14/02/04	DM22111			
11	22110291	NGUYỄN KIỂU GIA	HÂN	20/09/03	TT21111			
12	22106153	DƯƠNG THỊ MINH	HẰNG	03/06/03	TT21111			
13	22205534	LÊ NGUYỄN ĐỨC	HUY	16/07/04	TV22111			
14	22109798	LÊ TRƯỜNG	HUY	27/11/03	NH21111			
15	22201508	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/04	NT22111			
16	22102493	NGUYỄN HOÀNG	KHA	15/05/03	NT21111			
17	22205053	ĐINH NGUYỄN LÂM	KHANG	15/12/04	DL22121			
18	22004237	DƯƠNG TRUNG	KHẢI	06/10/02	TV20111			Cấm thi
19	22206191	VŨ TRỌNG	KHẢI	02/07/04	AI22111			
20	2193751	HUỲNH ANH	KHOA	04/12/01	MD19111			
21	22108237	PHẠM ĐĂNG	KHOA	02/06/03	TV21111			
22	22116761	VŨ TUẤN ĐĂNG	KHOA	08/11/02	MK21111			
23	22115603	NGUYỄN TRẦN THIÊN	KIM	25/09/03	DK21111			
24	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
25	22105572	NGUYỄN THẢO	MY	30/04/03	TT21111			
26	22401451	MÃ NGỌC	NGHI	06/04/06	NL24111			
27	22200033	LÊ NGỌC QUỲNH	NHI	08/03/03	DM22111			
28	22011454	ĐẶNG NGỌC THẢO	QUYÊN	13/11/02	TV20111			
29	22401564	TRƯƠNG HOÀNG	SAN	08/11/06	EC24111			
30	22500036	NGUYỄN NGỌC	SANG	01/03/03	TV251			
31	22114424	VÕ THẾ	SON	09/05/03	LG21111			
32	22205110	LÊ XUÂN	THÀNH	09/01/04	PM22111			
33	22205441	NGUYỄN TRÍ	THÀNH	17/06/04	QL22111			
34	22206555	LƯƠNG TRẦN PHƯƠNG	THẢO	23/11/04	DM22111			
35	22100035	LƯU ĐỨC	THẮNG	29/05/02	MK21111			
36	22205599	TRẦN VIỆT	THẮNG	09/07/04	TV22111			
37	22400786	LÊ NGUYỄN CÁT	TIỀN	01/10/06	TL24111			
38	22400738	CAO NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	25/04/06	TL24111			
39	22117102	PHẠM HUỲNH	TRẦN	21/11/03	TV21111			
40	22122673	HÀ NGỌC TUYẾT	TRÌNH	06/05/03	NT21111			
41	22112403	PHẠM NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	27/11/02	LG21111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22201650	NGUYỄN ĐẶNG GIA	TƯỜNG	01/01/04	PM22111			
43	2193939	TRẦN LÊ TÚ	UYÊN	11/10/01	KS19111			
44	22205931	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/12/03	DM22111			
45	2190121	NGUYỄN TRUNG	VƯƠNG	30/03/97	TC19112			
46	22205101	DƯƠNG TRIỆU	VY	19/04/04	BL22111			
47	22115245	LÊ TƯỜNG KHÁNH	VY	18/11/03	TV21111			
48	22107059	LÊ YẾN	VY	22/03/03	KS21111			
49	22011390	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	22/10/02	DL20121			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 2048
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 16g00

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22112097	LÊ MAI PHƯƠNG	ANH	31/10/03	KN21111			
2	2191900	NGÔ MỸ	ANH	15/04/01	TV19112			
3	22203440	NGUYỄN HOÀNG KIM	ANH	19/03/04	DL22121			Cấm thi
4	22012055	NGUYỄN VĂN	BÁCH	29/01/02	NH20111			Cấm thi
5	22206719	TRẦN GIA	BẢO	23/09/04	LG22111			
6	2194068	HUỲNH THỊ MỘNG	CẨM	11/06/01	TT19112			Cấm thi
7	22140166	NGUYỄN HỮU VĂN	CHƯƠNG	25/11/03	QL21111			
8	2195478	VŨ QUỐC	CÔNG	25/12/99	DL19121			
9	2180443	BÙI NGUYỄN QUỐC THANH	DANH	15/09/00	MK1811			
10	22123170	HỒ THỊ NGỌC	DIỄM	07/02/03	TL21111			
11	22400806	LÊ ĐĂNG	ĐẠT	18/11/06	FT24111			
12	22002812	DƯƠNG ĐẠI	ĐỒNG	10/05/02	KS20111			Cấm thi
13	22011787	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	15/09/02	NT20111			
14	22207726	TRẦN NGUYỄN HUY	HOÀNG	22/09/02	TV22111			
15	22207315	TRẦN BỘI	HUÊ	02/09/04	NL22111			
16	2191407	NGUYỄN MINH	KHA	07/10/01	KS19111			Cấm thi
17	22205675	PHẠM BÙI BẢO	KIÊN	30/05/04	BL22111			Cấm thi
18	2184495	LÝ THÀNH	LẠC	01/11/00	DT1811			
19	22105304	NGUYỄN LÊ THUY	LÂM	12/05/03	DM21111			
20	2198648	TRANG DƯƠNG BẢO	LỘC	12/12/01	NH19111			
21	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			Cấm thi
22	2180939	BÙI TRẦN KIM	NGÂN	12/03/00	NL1811			Cấm thi
23	22116108	NGUYỄN QUÝ	NHÂN	21/03/03	DA21111			Cấm thi
24	22118366	DƯƠNG THUẬN	PHÁT	25/01/03	TT21111			
25	22402894	NGUYỄN TẤN	PHÁT	13/03/05	TC24111			
26	2198940	PHẠM PHI	PHỤNG	25/02/01	DL19121			
27	2191838	TRẦN ĐẶNG LỆ	PHƯƠNG	21/05/01	TL1911			
28	2198937	ĐỖ PHƯƠNG	QUYÊN	29/08/99	MK19112			
29	2191891	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUYÊN	19/03/01	TV19112			
30	22110646	NGUYỄN HỮU THANH	TÂM	12/06/03	TV21111			
31	22012032	NGUYỄN NGỌC LAM	THANH	16/06/02	GF20121			
32	22302830	HỒ TRẦN QUỐC	THÁI	20/06/05	DM23111			
33	22004318	HUỲNH CÔNG	THÀNH	22/04/02	NL20111			
34	2193702	DƯƠNG THANH	THẢO	18/02/01	TV19112			
35	22300200	DƯƠNG MINH	THIỆN	12/10/05	PM23111			
36	2198614	ĐỖ THỊ ÁNH	THUẬN	10/01/01	DT19111			
37	22010593	NGUYỄN MINH	THƯ	29/11/02	KS20111			
38	2199007	HOÀNG THỊ THỦY	TIỀN	15/02/00	TV19112			
39	22117790	PHẠM XUÂN	TIỀN	13/11/03	TC21111			
40	2193387	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	24/05/01	DL19121			
41	2194094	NGUYỄN NGÔ THẢO	TRÂM	11/02/01	DL19121			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22104354	HUỖNH THÁI BẢO	TRẦN	08/01/03	NL21111			
43	2183633	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	TRẦN	01/01/00	DT1811			Cấm thi
44	22003222	NGUYỄN MINH	TRÍ	01/10/02	DL20121			
45	2199095	NGÔ TIỂU	TUỆ	15/10/95	DT19111			Cấm thi
46	22400072	TRẦN ĐÀI MINH	UYỄN	30/10/95	TL24111			
47	22115207	HOÀNG VŨ MINH	VI	19/12/03	TT21111			
48	2191151	QUÁCH TƯỜNG	VI	07/02/01	TT19112			
49	22002567	PHẠM LONG	VĨ	03/01/02	NH20111			
50	22400460	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	VY	11/06/00	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)